

Số: 20BC-ĐBCL-TT&PC

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2023

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT  
CỦA SINH VIÊN KHÓA 52 ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP  
NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu  
- Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm**

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định về công tác Đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Quyết định số 413/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ban hành Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Thực hiện Kế hoạch số 480/KH-ĐHSPTDTTHN ngày 19 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc tổ chức lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan năm học 2022-2023;

Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-ĐBCL&TT ngày 24 tháng 12 năm 2022 về việc lấy ý kiến khảo sát của sinh viên trước khi tốt nghiệp đánh giá khóa học K16 ĐHLT (VLVH) niên khóa 2021 – 2023 và K52 ĐHCQ niên khóa 2019-2023.

Phòng ĐBCL-TT&PC đã triển khai lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2022 - 2023 qua tổng hợp kết quả như sau:

## **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

### **1. Mục đích khảo sát**

- Việc lấy ý kiến phản hồi đánh giá về chất lượng chương trình đào tạo của sinh viên cuối khóa giúp cho nhà trường thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu đề ra;

- Ghi nhận và tổng hợp các ý kiến đánh giá của sinh viên cuối khóa về Chương trình đào tạo và để có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như chất lượng giảng dạy của sinh viên;

- Giúp lãnh đạo nhà trường các khoa, trung tâm, bộ môn và giảng viên biết được thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu của người học, từ đó có định hướng phù hợp và giải pháp cụ thể, thiết thực góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng Chương trình đào tạo của

nhà trường;

## 2. Đối tượng, phạm vi khảo sát:

- Đối tượng khảo sát: K52 đại học chính quy
- Phạm vi lấy ý kiến khảo sát: Tất cả sinh viên chuẩn bị nhận bằng tốt nghiệp.

## 3. Tổ chức thực hiện

- **Thời gian thực hiện:** Từ tháng 06 - 07/2023
- **Công cụ khảo sát:** Theo mẫu phiếu khảo sát (**Phụ lục 1**)
- **Nội dung khảo sát:** Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính là:
  - a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);
  - b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí);
  - c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);
  - d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);
  - e) Cơ sở vật chất (gồm 5 tiêu chí);
  - f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);
  - g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);
  - h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí)
  - i) Các ý kiến khác

## 4. Phương pháp thực hiện và xử lý kết quả

- Khảo sát trên Google docs qua đường link: <https://forms.gle/ZjYR5iUyER3gA4Jr5>
- Kết quả đánh giá của người học thể hiện ở 5 mức độ: **5-Rất tốt, 4-Tốt, 3- Khá, 2-Yếu, 1-Kém**. Điểm trung bình chung được chia thành 5 cấp độ cho từng tiêu chí theo các khoảng điểm như sau:

Khoảng điểm	Từ 4,21 đến ≤ 5	Từ 3,41 đến ≤ 4,20	Từ 2,61 đến ≤ 3,40	Từ 1,81 đến ≤ 2,60	Từ 1,0 đến ≤ 1,80
Phân loại	<b>Rất tốt</b>	<b>Tốt</b>	<b>Khá</b>	<b>Yếu</b>	<b>Kém</b>

- Tỷ lệ đánh giá hài lòng là tổng số ý kiến “Rất tốt”, “Tốt”/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá bình thường là tổng số ý kiến “Khá” và “Yếu”/tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá không hài lòng là tổng số ý kiến “Kém” /tổng số ý kiến;

- Viết báo cáo sau khi có kết quả tổng hợp;

## II. KẾT QUẢ

### 1. Kết quả tổng hợp phiếu

Trong năm học vừa qua nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa

học của sinh viên trước khi tốt nghiệp K52 đại học chính quy năm học 2022-2023 kết quả thu được như sau:

**Bảng 1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	Khóa	Lớp chuyên ngành	Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp	Tổng số sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát	Ghi chú
1	K52	Võ A	7	7	
2		Võ B	11	10	
3		Điền kinh A	8	8	
4		Bóng chuyền	9	9	
5		Bơi lội	7	7	
6		Bóng rổ	7	7	
7		Cầu lông	4	4	
8		Quần vợt	2	2	
9		Thê dục A	6	6	
10		Thê dục B	7	7	
11		Bóng đá A	3	3	
12		Bóng đá B	3	3	
<b>Tổng cộng</b>			<b>74</b>	<b>73</b>	

Qua kết quả thống kê ở bảng 1 cho thấy. Tổng số sinh viên K52 ĐHCQ trước khi tốt nghiệp năm học 2022 - 2023 theo danh sách là:

Tổng số sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp năm học 2022-2023 là: 74 sinh viên

Tổng số sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát: 73 sinh viên

## **2. Kết quả đánh giá**

### **2.1. Điểm đánh giá**

+ *Về chương trình đào tạo*: Tất cả các thành phần câu hỏi khảo sát 7/7 tiêu chí của nội dung về chương trình đào tạo đều được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 4,2 điểm đến 4,3 điểm. Nhằm đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với khung năng lực của người học bao gồm các kiến thức, kỹ năng, thái độ người học luôn có sự liên kết chặt chẽ với nhau, các môn học trong chương trình đều có sự tích hợp được các nội dung và kỹ năng theo chuẩn đầu ra.

+ *Về đội ngũ giảng viên*: Tiêu chí này có 4/4 mức độ đánh giá đại đa số các giảng



viên đều được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 4,2 điểm đến 4,3 điểm. Việc thực hiện giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy các giảng viên đều thực hiện nghiêm túc, rõ ràng các nội dung chương trình đào tạo luôn cập nhật, đổi mới đáp ứng nhu cầu xã hội phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo đã đề ra.

+ *Về tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo:* Đại đa số sinh viên hài lòng về mức độ đánh giá ở lĩnh vực này có 10/10 tiêu chí đạt từ 4,1 điểm đến 4,3 điểm. Nhà trường đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động quy chế đào tạo đa dạng, phong phú, các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường đều được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định. Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường đầy đủ có hiệu quả, các hoạt động tư vấn hỗ trợ sinh viên được thực hiện nghiêm túc đầy đủ.

+ *Về kiểm tra đánh giá:* Kết quả khảo sát có 4/4 tiêu chí tất cả các học phần trong chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá ở mức tốt điểm đánh giá trung bình là 4,2 điểm đến 4,3 điểm. Hằng năm nhà trường tổ chức kỳ thi nghiêm túc khách quan đánh giá phù hợp với từng nội dung môn học và năng lực của sinh viên, kết quả học tập được thông báo nhanh chóng, kịp thời, rõ ràng để các em nhanh chóng nắm bắt được kết quả trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp với từng nội dung môn học.

+ *Về cơ sở vật chất:* Các nội dung câu hỏi đều được sinh viên đánh giá ở mức tốt dao động từ 3,7 điểm đến 4,1 điểm. Để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên ngày một tốt hơn cơ sở vật chất là một phần hết sức quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động học tập của sinh viên giúp các em có cơ hội học tập và các hoạt động khác liên quan đến đào tạo tại trường nhằm giúp giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy giúp sinh viên nâng cao khả năng tiếp thu, lĩnh hội, trải nghiệm kiến thức, đồng thời rèn luyện và hoàn thành các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập tại trường. Bên cạnh các phòng thực hành thí nghiệm được trang bị đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học.

Cơ sở vật chất ở ký túc xá cơ bản đáp ứng nhu cầu ở của sinh viên tuy nhiên bên cạnh đó để nâng cao chất lượng hơn nữa cần cải thiện tình trạng nước sinh hoạt ở các khu KTX bản chất lượng không tốt như màu vàng, chất sắt nhiều cặn vôi, vòi nước bị tắc, một số phòng dịch vụ chưa bảo dưỡng kịp thời. Cần tin trong trường cần nâng cao dịch vụ đáp ứng nhu cầu ăn, uống tại chỗ đảm bảo sức khỏe cho CBCNV, SV nhà bếp phải đảm bảo vệ sinh, có đầy đủ dụng cụ trang thiết bị, tủ, kho thực phẩm, khu trung bày, chế biến thức ăn, rác thải được thu gom xử lý đúng quy định.

+ *Về công tác tài chính:* Kết quả khảo sát cho thấy có 2/2 tiêu chí được sinh viên

đánh giá có mức điểm từ 4,0 điểm đến 4,2 điểm. Các nhân viên trong phòng kế hoạch - tài chính đều có tinh thần và thái độ đúng mực thân thiện, hòa nhã trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên. Công tác quản lý theo dõi chưa sát sao dẫn đến tình trạng sinh viên, học viên còn chậm đóng tiền chưa đôn đốc nhắc nhở thường xuyên.

+ *Về đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường*: Đại đa số sinh viên được đánh giá về đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường đều được sinh viên đánh giá ở mức tốt từ 4,1 điểm đến 4,2 điểm. Sinh viên đánh giá cao về đội ngũ CBQL, NV và KTV của nhà trường có thái độ nghiêm túc, nhiệt tình, có trách nhiệm vui vẻ, thân thiện, hòa đồng giải quyết công việc đúng quy trình, nhanh chóng, chính xác luôn tạo điều kiện cho các em đến giải quyết công việc khi cần.

+ *Đánh giá chung về khóa học*: Kết quả khảo sát 3/3 tiêu chí của lĩnh vực được sinh viên đều đánh giá 4,3 điểm. Như vậy sau những năm tháng học tập tại môi trường Đại học sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội các em đã được trau dồi kiến thức chuyên môn mà còn giúp các em trưởng thành hơn, rèn luyện những kỹ năng quan trọng và hoàn thiện bản thân ngày một tốt hơn, mà còn đem lại những giá trị kinh nghiệm và giá trị tốt đẹp là hành trang giúp các em bước vào môi trường mới.

## **2.2. Tỷ lệ đánh giá hài lòng**

Qua kết quả khảo sát tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên được lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ từ 71,51% - 99,06% của các lĩnh vực cụ thể như sau:

### *a) Chương trình đào tạo (gồm 7 tiêu chí);*

Ở lĩnh vực này được sinh viên đánh giá ở mức Tốt trở nên dao động từ 86,03% - 94,52%; còn ở mức yếu và kém tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1,37% - 2,74% là tiêu chí *Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được. Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành.*

### *b) Đội ngũ giảng viên (gồm 4 tiêu chí)*

Kết quả khảo sát ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 89,05% - 93,16% còn ở mức kém tỷ lệ đánh giá của sinh viên chỉ từ 1,37% có hai tiêu chí như sau: *Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học, sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên. Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên.*

### *c) Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo (gồm 10 tiêu chí);*



Còn ở tiêu chí này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 73,98% - 99,06%; còn ở mức khá tỷ lệ đánh giá của sinh viên từ 5,48% - 17,81%; Còn ở mức yếu và kém chỉ từ 1,37% - 2,74% gồm có các tiêu chí sau: *Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả, Cán bộ nhân viên các phòng/khoa/trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện, Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả, Hàng năm nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.*

*d) Kiểm tra đánh giá (gồm 4 tiêu chí);*

Kết quả khảo sát ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 86,31% - 90,42%; còn ở mức yếu và kém tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên là 1,37% - 2,74% gồm có tiêu chí sau: *Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho sinh viên.*

*e) Cơ sở vật chất (gồm 5 tiêu chí);*

Qua khảo sát lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức rất tốt trở lên dao động từ 71,51% - 83,57%; còn ở mức kém tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên là 2,74% - 5,48%. Bao gồm có các tiêu chí sau: *Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe), Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học, Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú; Cảnh quan vệ sinh môi trường sạch đẹp, Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên.*

*f) Công tác tài chính (gồm 2 tiêu chí);*

Qua kết quả khảo sát ở lĩnh vực này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên dao động từ 75,35% - 84,94%; còn ở mức kém là tiêu chí: *Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên, được sinh viên đánh giá ở mức 4,11%.*

*g) Đội ngũ CBQL, NV và KTV của trường (gồm 6 tiêu chí);*

Nhìn vào kết quả khảo sát tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên đạt mức tốt trở lên dao động từ 82,20% - 86,31%; còn ở mức kém tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên từ 1,37% - 2,74%; có các tiêu chí sau: *Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình), Quy trình giải quyết công việc đảm bảo*

*tính khoa học, rõ ràng và đúng quy định.*

*h) Đánh giá chung về khóa học (gồm 3 tiêu chí).*

Qua bảng kết quả tổng hợp ở lĩnh vực Đánh giá chung về khóa học này tỷ lệ đánh giá hài lòng của sinh viên ở mức tốt trở lên đều được sinh viên đánh giá ở mức từ 87,68% - 90,42%, Còn ở mức kém là 2,74% là tiêu chí: *Sinh viên được cung cấp đầy đủ những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp.*

Trong năm học vừa qua nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi sinh viên trước khi tốt nghiệp đối với K52 đại học chính quy đã tham gia đầy đủ với 41 tiêu chí của 8 lĩnh vực được lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đều nhận được mức đánh giá tốt và tỷ lệ đánh giá hài lòng đối với các tiêu chí cụ thể như sau:

+ Ở mức “tốt” trở lên tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước khi tốt nghiệp dao động từ 71,51% - 99,06%.

+ Ở mức “Khá” tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước khi tốt nghiệp dao động từ 2,74% - 10,96%.

+ Còn ở mức “Yếu” tỷ lệ đánh giá hài lòng sinh viên trước khi tốt nghiệp dao động từ 1,37% - 2,74%.

+ Còn ở mức “Kém” chiếm tỷ lệ là 1,37% bao gồm có các tiêu chí sau: *Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được. Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học, sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên, Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên. Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả, Cán bộ nhân viên các phòng/khoa/trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện, Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định, Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả. Hàng năm nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên. Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho sinh viên. Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế phương tiện nghe nhìn dung cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe), Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học, Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú; Cảnh quan vệ sinh môi trường sạch đẹp, Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn*



uồng của sinh viên. Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.

Số liệu được trình bày ở (Phụ lục 3).

### 3. Đề xuất và kiến nghị.

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2022-2023 cho thấy về cơ bản sinh viên khá hài lòng về Chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, công tác tổ chức quản lý phục vụ đào tạo, công tác kiểm tra đánh giá, công tác cơ sở vật chất, công tác tài tài chính, đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của trường và đánh giá chung về khóa học. Tuy nhiên vẫn còn nhiều ý kiến thể hiện không phù hợp của quá trình đào tạo mà các phòng ,ban,khoa,trung tâm liên quan cần điều chỉnh,thay đổi cho phù hợp.

- Để nâng cao chất lượng đào tạo cần khắc phục những hạn chế, phát huy điểm tích cực mà sinh viên có ý kiến. Các đơn vị cần phối hợp nghiêm túc,chặt chẽ theo đúng kế hoạch mà nhà trường đã triển khai.

- Cơ sở vật chất cần được sửa chữa, nâng cấp,cải tạo các trang thiết bị phòng học,sân bãi, giảng đường,dụng cụ học tập,nhà ăn,KTX, thư viện....

Phòng ĐBCL&TT tiếp tục duy trì công tác này và triển khai lấy ý kiến rộng rãi tới tất cả sinh viên, học viên các chương trình đào tạo./.

#### \* Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị (để biết và t/h);
- Đăng website của Trường;
- Lưu: ĐBCL-TT&PC.



Ths.Lê Học Liêm





**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2022 - 2023**

STT	PHÂN NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN	Tỷ lệ %					TLĐGDĐT
		Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	Kém	
	<b>I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>						
1	Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra	42.47	52.05	2.74	2.74	0.00	94.52
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với năng lực sinh viên khi tốt nghiệp	47.95	43.84	5.48	2.74	0.00	91.79
3	Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	46.58	38.36	9.59	2.74	2.74	84.94
4	Chương trình đào tạo được thiết kế, tạo điều kiện thuận lợi cho SV lựa chọn theo nhu cầu, nguyên vọng học tập	43.84	43.84	9.59	2.74	0.00	87.68
5	Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố	43.84	45.21	8.22	2.74	0.00	89.05
6	Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo	42.47	45.21	9.59	2.74	0.00	87.68
7	Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được	42.47	43.84	10.96	1.37	1.37	86.31
	<b>TLĐG LV</b>						<b>88.85</b>
	<b>II. ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN</b>						
1	Trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo	47.95	45.21	4.11	2.74	0.00	93.16
2	Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên	45.21	46.58	5.48	2.74	0.00	91.79
3	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học, sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên	45.21	46.58	5.48	1.37	1.37	91.79
4	Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên	45.21	43.84	6.85	2.74	1.37	89.05



		TLĐG LV										91.44
<b>III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO</b>												
1	Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa tới sinh viên.	49.32	42.47	5.48	2.74	0.00						91.79
2	Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả	50.68	38.36	8.22	1.37	1.37						89.04
3	Cán bộ, nhân viên các phòng/khoa/trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện.	45.21	36.99	13.70	1.37	2.74						82.20
4	Các phòng chức năng giải quyết các thắc mắc kiến nghị của sinh viên, nhanh chóng, thuận lợi, thỏa mãn các yêu cầu	41.10	32.88	17.81	2.74	5.48						73.98
5	Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới SV theo đúng quy định.	42.47	42.47	12.33	1.37	1.37						84.94
6	Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên.	42.47	35.62	17.81	1.37	0.00						78.09
7	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả	49.32	36.99	9.59	1.37	2.74						86.31
8	Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả, tác dụng tốt trong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên	49.32	45.21	2.74	2.74	0.00						94.53
9	Các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên trên website nhà trường.	42.47	43.84	9.59	4.11	0.00						99.06
10	Hàng năm, nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/ các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.	50.68	41.10	5.48	1.37	1.37						97.17
												<b>68.08</b>
<b>IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ</b>												
1	Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung môn học	45.21	41.10	10.96	2.74	0.00						86.31
2	Tổ chức thi, kiểm tra, chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng	50.68	36.99	9.59	2.74	0.00						87.67

3	Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho sinh viên	45.21	45.21	5.48	2.74	1.37	90.42
4	Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời tới SV	45.21	39.73	12.33	2.74	0.00	84.94
	<b>TLĐG LV</b>						<b>87.33</b>
	<b>V. CƠ SỞ VẬT CHẤT</b>						
1	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe)	36.99	38.36	15.07	5.48	4.11	75.35
2	Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học	42.47	32.88	16.44	5.48	2.74	75.35
3	Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú	34.25	31.51	19.18	10.96	4.11	65.76
4	Cảnh quan vệ sinh môi trường sạch đẹp	41.10	42.47	10.96	1.37	4.11	83.57
5	Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên	36.99	34.25	15.07	8.22	5.48	71.51
	<b>TLĐG LV</b>						<b>74.30</b>
	<b>VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH</b>						
1	Công tác thu - chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên	42.47	32.88	15.07	5.48	4.11	75.35
2	Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – Tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.	42.47	42.47	10.96	4.11	0.00	84.94
	<b>TLĐG LV</b>						<b>80.14</b>
	<b>VII. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN VÀ KỸ THUẬT VIÊN CỦA TRƯỜNG</b>						
1	Thái độ nghiêm túc, nhiệt tình và có trách nhiệm khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi đảm nhận	42.47	42.47	10.96	2.74	0.00	84.94
2	Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình)	45.21	36.99	13.70	1.37	2.74	82.20
3	Quy trình giải quyết công việc đảm bảo tính khoa học, rõ ràng và đúng quy định	45.21	38.36	12.33	1.37	2.74	83.57
4	Giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tốt yêu cầu nghiệp vụ	39.73	42.47	15.07	2.74	0.00	82.20



5	Luôn tạo điều kiện thuận lợi khi đến làm việc tại Phòng	45.21	41.10	10.96	2.74	0.00	86.31
6	Mức độ hài lòng của Sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của Trường	46.58	36.99	12.33	4.11	0.00	83.57
	<b>TLĐG LV</b>						<b>83.79</b>
<b>VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KHÓA HỌC</b>							
1	Sinh viên được cung cấp đủ những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	46.58	43.84	5.48	1.37	2.74	90.42
2	Mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp	49.32	38.36	9.59	2.74	0.00	87.68
3	Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường	50.68	38.36	8.22	2.74	0.00	89.04
	<b>TLĐG LV</b>						<b>89.04</b>

\* Ghi chú:

- TLĐGĐT: là Tỷ lệ đánh giá đối tượng: Đánh giá từ mức tốt và rất tốt/số phiếu trả lời
- TLĐGLV: là Tỷ lệ đánh giá lĩnh vực/ Tỷ lệ đánh giá đối tượng

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Lê Học Liêm**

**Người lập**



**Nguyễn Thị Hiền**